

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Kiến thức, thực hành phòng chống suy dinh dưỡng của bà mẹ người M'Nông có con từ 0-24 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk, năm 2017

Hồ Thị Thu Vân¹, Hoàng Đức Luận², Lã Ngọc Quang^{3*}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành phòng chống suy dinh dưỡng của bà mẹ người dân tộc M'Nông tại xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk.

Phương pháp: Áp dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang với 181 bà mẹ có con từ 0-24 tháng tuổi.

Kết quả: Kiến thức chung đạt 40,9%, trong đó: kiến thức nuôi con bằng sữa mẹ (NCBSM) 74,0%, cho ăn bổ sung (ABS) 81,8%, chăm sóc trẻ 21,5%. Thực hành chung đạt 27,6%, trong đó: Thực hành về NCBSM 91,7%, cho ABS 72,4%, chăm sóc trẻ 67,4%. Các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê được chỉ ra là: những bà mẹ có trình độ học vấn dưới trung học cơ sở có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,5 lần so với những bà mẹ có trình độ từ trung học cơ sở trở lên; bà mẹ 2 con có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 1,8 lần so với những bà mẹ có 1 con và những bà mẹ thuộc hộ nghèo có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,0 lần so với những bà mẹ thuộc hộ không nghèo.

Kết luận: Kiến thức và thực hành của các bà mẹ người dân tộc M'Nông có con dưới 24 tháng tuổi tại xã Yang Mao về phòng chống suy dinh dưỡng còn thấp với các yếu tố liên quan đó là trình độ học vấn, số con trong gia đình.

Từ khóa: Kiến thức, Thực hành, Suy dinh dưỡng, Yếu tố liên quan, Đắk Lắk

ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy dinh dưỡng (SDD) ở trẻ em làm ảnh hưởng đến nòi giống và sự phát triển về thể chất, tâm thần của trẻ. Đây là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (1). Theo số liệu của UNICEF, gần một nửa số ca tử vong ở trẻ em dưới 5 tuổi có liên quan tới SDD và ước tính khoảng 3 triệu trẻ em bị tử vong trong một năm (2).

Tại Việt Nam, theo báo cáo của Viện Dinh dưỡng (từ 2008 đến năm 2015): tỷ lệ bị SDD thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi đã giảm từ 19,9% xuống còn 14,1%. Tỷ lệ thấp còi cũng

giảm từ 32,6% xuống còn 24,6%. Tuy nhiên, với tỷ lệ này, Việt Nam vẫn là nước có tỷ lệ SDD dưới 5 tuổi cao trên thế giới, tỷ lệ này cao ở nông thôn, miền núi có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống (3). Đặc biệt ở giai đoạn trẻ từ 0-24 tháng tuổi là giai đoạn bú mẹ và ăn dặm, nếu không được nuôi dưỡng hợp lý, đúng cách thì sẽ dẫn đến rối loạn về dinh dưỡng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của trẻ trong những năm tiếp theo. Vì vậy để giảm bền vững tỷ lệ SDD trẻ em, việc nâng cao kiến thức, thực hành về chăm sóc dinh dưỡng của bà mẹ, biết cách nuôi con phát triển tốt, tránh được bệnh tật là một trong



*Địa chỉ liên hệ: Lã Ngọc Quang

Email: lnq@huph.edu.vn

¹Trung Tâm Y tế Krông Bông, Đắk Lắk

²Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ

³Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 03/01/2018

Ngày phản biện: 09/03/2018

Ngày đăng bài: 25/04/2018

các nội dung hoạt động của Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 – 2020 (1).

Xác định hạ thấp tỷ lệ SDD là một nhiệm vụ quan trọng cần thiết, thời gian qua huyện Krông Bông đã rất quan tâm đến vấn đề này bằng các chương trình, Dự án dinh dưỡng Quốc gia đã triển khai nhằm nâng cao nhận thức người dân trong công tác phòng SDD. Nhưng vẫn còn một số xã có người dân tộc thiểu số chưa thực hiện tốt việc chăm sóc trẻ (4).

Tại xã Yang Mao, SDD trẻ em dưới 5 tuổi chiếm tỷ lệ cao, trong đó trẻ em người dân tộc M'Nông là chiếm đa số. Hiện tại chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu về vấn đề chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ của người M'Nông. Từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành phòng chống SDD của bà mẹ người M'Nông có con từ 0-24 tháng tuổi và một số yếu tố liên quan tại xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk, năm 2017.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Áp dụng thiết kế mô tả cắt ngang với các bà mẹ người M'Nông có con dưới 24 tháng tuổi đang sinh sống tại xã Yang Mao huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được triển khai tại xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk, từ tháng 02/2017 đến tháng 8/2017.

Đối tượng nghiên cứu: các bà mẹ có con dưới 24 tháng tuổi tại địa điểm nghiên cứu.

Cỡ mẫu, chọn mẫu: Nghiên cứu áp dụng phương pháp mẫu toàn bộ với 181 bà mẹ có con dưới 24 tháng tuổi đang sinh sống tại xã Yang Mao.

Biến số, chỉ số nghiên cứu: Nghiên cứu thu thập thông tin về kiến thức, thực hành cũng

như thông tin về một số yếu tố liên quan tới kiến thức, thực hành phòng chống SDD (yếu tố trình độ học vấn, nghề nghiệp, kinh tế hộ gia đình, nguồn cung cấp thông tin) của các bà mẹ có con dưới 24 tháng tuổi đang sinh sống tại xã Yang Mao.

Tiêu chuẩn đánh giá phân loại bà mẹ có kiến thức đúng về phòng chống SDD cho trẻ từ 0-24 tháng tuổi được đánh giá qua các câu hỏi: Nuôi con bằng sữa mẹ (với 5 câu hỏi); Ăn bổ sung (với 3 câu hỏi) và Chăm sóc trẻ (với 9 câu hỏi). Thực hành chăm sóc trẻ của bà mẹ được đánh giá qua các nội dung: Thực hành nuôi con bằng sữa mẹ trong 6 tháng đầu (4 câu hỏi), Thực hành dinh dưỡng và cho trẻ ăn bổ sung (5 câu hỏi), Thực hành chăm sóc trẻ (8 câu hỏi).

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu: công cụ nghiên cứu là bộ câu hỏi có cấu trúc bao gồm các câu hỏi về kiến thức, thực hành phòng chống SDD. Kỹ thuật thu thập số liệu áp dụng là phỏng vấn trực tiếp 181 bà mẹ sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu sau khi thu thập được làm sạch trước khi nhập số liệu bằng phần mềm Epidata 3.1. Áp dụng các thuật toán thống kê mô tả và phân tích, tính chỉ số đo lường độ mạnh của sự kết hợp OR với kiểm định Khi bình phương để xác định các yếu tố liên quan, sử dụng phần mềm SPSS 18.0 để phân tích số liệu.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức nghiên cứu Y sinh học trường Đại học Y tế công cộng phê duyệt theo số 114/2017/YTCC-HD3, ngày 01 tháng 3 năm 2017.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả điều tra 181 bà mẹ người M'Nông, thông tin chung của đối tượng nghiên cứu bao gồm: 171 các bà mẹ dưới 25 tuổi chiếm 94,5%. 177 bà mẹ làm nông nghiệp, chiếm

97,8%. Trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên chiếm 60,8%, tỷ lệ mù chữ chiếm 13,8% (25 bà mẹ). Đối tượng có 2 con trở lên chiếm 65,2% (118 bà mẹ) và 94 bà mẹ sinh sống trong hộ gia đình nghèo (51,9%).

Kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ của bà mẹ

Kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ của bà mẹ

Bảng 1. Kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng trẻ của bà mẹ

Các chỉ số	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đạt về nuôi con bằng sữa mẹ	134	74,0
Kiến thức đạt về cho trẻ ăn bổ sung	148	81,8
Kiến thức đạt về chăm sóc trẻ	39	21,5
Kiến thức chung đạt về chăm sóc dinh dưỡng trẻ	74	40,9

Kết quả kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ bao gồm kiến thức NCBSM (74% đạt), cho ăn bổ sung (81,8% đạt) và chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ (21,5% đạt), tỷ

lệ bà mẹ có kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng đạt chiếm 40,9%.

Thực hành chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ

Bảng 2. Thực hành chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ của bà mẹ

Các chỉ số	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thực hành đạt về nuôi con bằng sữa mẹ	166	91,7
Thực hành đạt về cho trẻ ăn bổ sung	112	72,7
Thực hành đạt về chăm sóc trẻ	122	67,4
Thực hành chung đạt về chăm sóc dinh dưỡng trẻ	131	72,4

Thực hành chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ bao gồm thực hành về NCBSM (91,7% đạt), cho ăn bổ sung (72,7% đạt), chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ (67,4% đạt), tỷ lệ bà mẹ có thực hành chung đạt 72,4%.

cấp 2 có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng trẻ cao gấp 2,5 lần so với những bà mẹ có trình độ học vấn từ cấp 2 trở lên OR = 2,5; CI-95% (1,3-4,7), sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,01$.

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng chống suy dinh dưỡng của các bà mẹ người M’Nông

Có mối liên quan giữa trình độ học vấn và kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ: Những bà mẹ người M’Nông có trình độ học vấn dưới

Kết quả phân tích cho thấy yếu tố số con có liên quan đến kiến thức phòng chống SDD cho trẻ của bà mẹ ($p < 0,05$), có ý nghĩa thống kê. Những bà mẹ người M’Nông có từ hai con trở lên có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 1,8 lần so với những bà mẹ có 1 con [OR = 1,8; CI-95% (1,1-3,6), $p = 0,048$].

Có mối liên quan giữa kinh tế hộ gia đình và kiến thức phòng chống SDD cho trẻ của bà mẹ ($p < 0,05$). Những bà mẹ người M'Nông

nghèo có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,0 lần so với những bà mẹ không nghèo OR = 2,0; CI-95% (1,1-3,6).

Bảng 3. Yếu tố liên quan giữa tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp đến kiến thức chăm sóc dinh dưỡng (n=181)

	Nội dung	Kiến thức của bà mẹ		OR (CI-95%)	P
		Không đạt	Đạt		
Tuổi	25 tuổi trở lên	64	34	1,7 (0,9-3,3)	0,066
	Dưới 25 tuổi	43	40		
Trình độ học vấn	Dưới cấp 2	51	20	2,5 (1,3-4,7)	0,005
	Cấp 2 trở lên	56	54		
Nghề nghiệp	Làm nông	105	72	1,5 (0,2-10,6)	0,889
	Khác	2	2		
Số con	2 con trở lên	76	42	1,8 (1,1-3,6)	0,048
	1 con	31	32		
Kinh tế hộ gia đình	Nghèo	63	31	2,0 (1,1-3,6)	0,025
	Không nghèo	44	43		
Nguồn thông tin	Không nhận	26	10	2,1 (0,92-4,6)	0,074
	Có nhận	81	64		

Bảng 4. Yếu tố liên quan giữa kiến thức và thực hành của bà mẹ (n=181)

Kiến thức của bà mẹ	Thực hành của bà mẹ		OR (CI - 95%)	P
	Không đạt	Đạt		
Không đạt	36	71	2,2 (1,1-4,4)	0,029
Đạt	14	60		

Kết quả cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành: những bà mẹ có kiến thức không đạt sẽ thực hành không đạt cao gấp 2,2 lần so với những bà mẹ có kiến thức đạt (OR= 2,2; CI-95%= 1,1-4,4).

Kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng trẻ của bà mẹ

Kết quả nghiên cứu trên 181 bà mẹ cho thấy từ những kiến thức về cách NCBSM, cho ăn bổ sung và chăm sóc trẻ được tổng hợp lại kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng trẻ của bà mẹ đạt 40,9% cao hơn so với của

BÀN LUẬN

Trần Thị Tuyết Mai năm 2013 (34,3%) (5), Nguyễn Hợp Tấn năm 2015 (31,0%) (6), Phan Công Danh 2016 (34,8%) (7). Tỷ lệ về kiến thức của bà mẹ M'Nông này thấp do sự khác nhau giữa vùng miền, đặc điểm về trình độ học vấn, truyền thông tại địa phương và có thể là do phương pháp đánh giá, số lượng và đối tượng trong các nghiên cứu trên có khác nhau. Tuy nhiên, theo chúng tôi với kết quả trên cho thấy hiện nay vẫn còn hơn một nửa (59,1%) bà mẹ hiểu biết chưa hoàn toàn đầy đủ về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ. Đây là điều đáng lưu tâm bởi hiện nay Chiến lược Quốc gia Phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2011 – 2020 đã được triển khai thực hiện gần hết chặng đường mà việc cải thiện về kiến thức của bà mẹ vẫn chưa có chuyển biến tốt.

Thực hành chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ

Tương tự như kiến thức, thì thực hành cũng được đánh giá qua các nội dung về NCBSM, cho ăn bổ sung, chăm sóc trẻ cho thấy tỷ lệ bà mẹ được đánh giá là có thực hành chung đạt 72,4% về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ tỷ lệ này thấp hơn so với Thân Trọng Quang năm 2014 (78,1%) (3), thấp hơn so với Trần Thị Tuyết Mai năm 2013 (64,1%) (8), Nguyễn Hợp Tấn 2015 (67,3%) (6). Phan Công Danh 2016 (59,5%) (7). Cần có những mô hình can thiệp tại cộng đồng để cải thiện tình trạng SDD cho trẻ như những nghiên cứu khác đã thực hiện (5).

Một số yếu tố liên quan tới kiến thức, thực hành phòng chống SDD cho trẻ

Yếu tố về trình độ học vấn: Ở nghiên cứu này cũng cho thấy được những bà mẹ người M'Nông có trình độ học vấn dưới trung học cơ sở có kiến thức chưa đúng về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,5 lần so với những bà mẹ có trình độ học vấn cao hơn. Kết quả nghiên cứu này tương tự như phát hiện của Nguyễn Văn Thắm (2003) (9), về tỷ lệ SDD và các yếu tố liên quan ở trẻ dưới 5 tuổi tại thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

cho thấy bà mẹ có trình độ học vấn càng cao thì kiến thức phòng chống SDD cho trẻ càng cao. Trong nghiên cứu của Nguyễn Hợp Tấn, bà mẹ có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên có khả năng có kiến thức đúng cao hơn 4,78 lần so với bà mẹ có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở xuống (CI-95%= 1,16-19,71; p<0,05) (6).

Yếu tố về số con, kinh tế hộ gia đình: Trong thực tế chúng ta cũng thấy rõ những gia đình đông con thường thì kéo theo sự nghèo khó sẽ có kiến thức thấp hơn những gia đình khá giả, ít con. Trong nghiên cứu này chúng tôi cũng tìm thấy có yếu tố liên quan giữa số con, kinh tế hộ gia đình đến kiến thức phòng chống SDD cho trẻ của bà mẹ. Kết quả nghiên cứu này cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê, những bà mẹ người M'Nông có từ hai con trở lên có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 1,8 lần so với những bà mẹ có 1 con và những bà mẹ người M'Nông nghèo có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,0 lần so với những bà mẹ không nghèo.

Kết quả này của nghiên cứu tương đồng với phát hiện của Nguyễn Hợp Tấn. Liên quan đến số con thì số phụ nữ sinh con lần đầu có kiến thức đúng hơn gấp 1,8 lần so với bà mẹ sinh con thứ 2 trở lên (CI-95%=1,02–3,32; p<0,05), với tình trạng kinh tế thì phụ nữ ở hộ không nghèo có kiến thức đúng gấp 4,2 lần bà mẹ thuộc diện hộ nghèo (CI 95%: 2,2–8,3; p<0,05) (6). Đặc điểm này có thể do đối tượng nghiên cứu là các bà mẹ người dân tộc ít người, với đặc thù về tiếp cận thông tin truyền thông, trình độ học vấn có thể những yếu tố ảnh hưởng tới kiến thức của các bà mẹ.

Có yếu tố liên quan giữa kiến thức và thực hành: có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của bà mẹ về phòng chống SDD (p < 0,05). Những bà mẹ có kiến thức không đạt sẽ thực hành không đạt cao gấp 2,2 lần so với những bà mẹ có kiến thức đạt (OR= 2,2; CI-95%= 1,1-4,4). Kết quả này cũng tương đồng

với kết quả nghiên cứu của Lý Thị Phương Hoa (10), cũng cho thấy bà mẹ có kiến thức đúng thì khả năng thực hành đúng cao gấp 1,6 lần so với bà mẹ có kiến thức chưa đúng. Nghiên cứu của Nguyễn Hợp Tấn 2015, bà mẹ có kiến thức đúng thì thực hành đúng cao gấp 13,4 lần so với bà mẹ có kiến thức chưa đúng (CI-95%= 4,6–38,6; $p < 0,05$) (6).

Hạn chế của nghiên cứu: Sai số nhớ lại ở bà mẹ qua phỏng vấn hồi cứu thông tin và sai số liên quan tới trình độ học vấn thấp của đối tượng. Hồi cứu những thông tin thực hành của các bà mẹ chỉ được thực hiện bằng việc ghi nhận thông tin qua phỏng vấn mà không quan sát trực tiếp nên có thể gặp phải trường hợp bà mẹ nhớ không chính xác, có thể có một số sai sót nhất định.

KẾT LUẬN

Kiến thức và thực hành phòng chống SDD ở bà mẹ người M’Nông có con từ 0-24 tháng tuổi: Kiến thức chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ đạt (40,9%); Thực hành chung về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ đạt (27,6%).

Một số yếu tố liên quan tới kiến thức và thực hành phòng chống SDD: Yếu tố về TĐHV: Những bà mẹ người M’Nông có trình độ học vấn dưới trung học cơ sở có kiến thức chưa đạt về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ cao gấp 2,5 lần so với những bà mẹ có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở lên ($p < 0,05$). Ngoài ra yếu tố về số con, kinh tế hộ gia đình cũng là những yếu tố có liên quan tới kiến thức và thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ ở các bà mẹ người M’Nông. Có mối liên quan giữa kiến thức và thực hành của bà mẹ về phòng chống SDD cho trẻ của bà mẹ ($p < 0,05$). Những bà mẹ có kiến thức không đạt có thực hành không đạt cao gấp 2,2 lần so với những bà mẹ có kiến thức đạt (OR= 2,2; CI-95%= 1,1-4,4).

Lời cảm ơn: Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các bà mẹ người M’Nông có con dưới 24 tháng tuổi tại xã Yang Mao, huyện Krông Bông, Đắk Lắk đã tích cực tham gia và cung cấp thông tin quý báu cho nghiên cứu này!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2010-2020, tầm nhìn 2030, Ban hành kèm theo Quyết định số 226/QĐ/TTg, ngày 22/2/2012. Hà Nội, 2012.
2. UNICEF. Undernutrition contributes to nearly half of all deaths in children under 5 and is widespread in Asia and Africa 2016 [updated 19/10/2016]. Available from: <http://data.unicef.org/nutrition/malnutrition.html> - sthash.Y9Y0xkfl.dpuf.
3. Thân Trọng Quang, Trần Quang Hưng. Thực trạng suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan trẻ từ 6 đến 24 tháng tuổi tại huyện Cumgar, tỉnh Đắk Lắk năm 2014. Tạp chí Y học thực hành. 2015;981.
4. Trung tâm Y tế huyện Krông Bông Đắk Lắk. Báo cáo sức khỏe sinh sản 06 tháng đầu năm 2016. Krông Bông, Đắk Lắk: 2016.
5. World Health Organization. Global Database on Child Growth and Malnutrition: Methodology and applications. WHO press. 2005.
6. Nguyễn Hợp Tấn. Kiến thức, thực hành cho trẻ từ 6-24 tháng tuổi, tại xã N’Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Lâm Đồng: 2015.
7. Phan Công Danh. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở trẻ 0 đến 24 tháng tuổi dân tộc Raglai tại huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa. Luận văn thạc sỹ Y tế công cộng, Hà Nội: Đại học Y tế công cộng; 2016.
8. Trần Thị Tuyết Mai. Xây dựng và đánh giá hiệu quả mô hình truyền thông đa dạng tại tuyến y tế cơ sở trong phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: Trường đại học Y tế công cộng.; 2013.
9. Nguyễn Văn Thám. Tỷ lệ suy dinh dưỡng và các yếu tố liên quan ở trẻ em dưới 5 tuổi tại thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Y Dược TP.HCM; 2003.
10. Lý Thị Phương Hoa. Kiến thức, thực hành nuôi dưỡng trẻ nhỏ của các bà mẹ và tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi tại Phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam năm 2012. Tạp chí dinh dưỡng và Thực phẩm. 2014;10(3).

Knowledge and practice on prevention of malnutrition among M'Nong mothers with children from 0-24 months and related factors in Yang Mao commune, Krong Bong district, Daklak province, 2017

Ho Thi Thu Van¹, Hoang Duc Luan², La Ngoc Quang³

Krong Bong District Health Center, Dak Lak

² Medical College of Phu Tho

³ Hanoi University of Public Health

Objectives: Describe the knowledge and practice of malnutrition prevention among M'Nong ethnic mothers in Yang Mao commune, Krong Bong district, Dak Lak province. **Method:** A cross-sectional descriptive study design was used with 181 mothers of children aged 0-24 months. **Main findings:** General knowledge on malnutrition prevention was 40.9%. Of which: breastfeeding knowledge: 74.0%, complementary feeding: 81.8%, child care: 21.5%. Overall practice was 27.6%. Of which: breastfeeding practices: 91.7%, complementary feeding: 72.4%, child care: 67.4%. Significant statistical factors were found: mothers with lower secondary education had 2.5 times less knowledge about child nutrition care than mothers who graduation from junior high school or higher; mothers had two children having poor knowledge of child nutrition care were 1.8 times more likely than mothers with one child and those with poor knowledge of child care were twice as likely compared to non-poor mothers. **Conclusions:** Knowledge and practice of M'Nong ethnic minority mothers with children under 24 months old in Yang Mao commune on malnutrition control are low with the related factors such as education level, number children in the family.

Key words: *Knowledge, Practice, Malnutrition, Related factors, Dak Lak*